

## TÌNH HÌNH SƯU TẦM, XỬ LÝ VÀ BƯỚC ĐẦU KHAI THÁC CÁC VĂN BẢN HÁN NÔM Ở THỪA THIÊN HUẾ

(Process of collecting, processing and initially investigating “Hán-Nôm” documents in Thua Thien Hue province)<sup>(\*)</sup>

### 1. Đặt vấn đề

**1.1.** Thừa Thiên Huế là một vùng đất có vị thế lịch sử - văn hóa đặc biệt trong tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam. Về mặt lịch sử, Huế là thủ phủ (từ 1626) rồi đô thành (1744), kinh đô của vương triều Quang Trung (1788) và kinh đô của cả nước thống nhất dưới triều Nguyễn (1802-1945). Chính yếu tố lịch sử này đã làm cho “quốc ngữ” (tức chữ Hán Nôm) và tư tưởng mà nó chuyển tải/tam giáo Nho-Phật-Đạo, đặc biệt Nho học tồn tại lâu dài hơn ở vùng đất đế đô này.

Về mặt văn hóa, Huế là nơi đan xen, hỗn dung của hai nền văn minh, văn hóa lớn Trung Quốc - Ấn Độ thông qua sự giao hòa và kế thừa lẫn nhau giữa hai cộng đồng cư dân Champa và Đại Việt, thêm một bộ phận “người Trung Hoa lưu lạc” nữa. Điều đó đã làm cho diện mạo văn hóa vùng Huế phong phú, đa sắc thái không chỉ thông qua diện mạo văn hóa vật chất mà còn thể hiện trong hệ thống các văn bản cổ còn lưu giữ khá nguyên vẹn trong các làng xã ven đô Huế.

**1.2.** Nhận thức được giá trị to lớn và nhiều mặt của các văn bản Hán Nôm cổ còn lưu giữ trong các làng xã, các tổ chức nghiên cứu văn hóa giáo dục nói chung trên địa bàn Huế và vùng ven đô đã và đang tìm mọi phương thức để có thể bảo tồn, khai thác di sản này. Vì nhiều lý do như kinh phí khai thác hạn hẹp, lực lượng cán bộ biết chữ Hán Nôm còn lại rất mỏng, ý thức và sự quan tâm của những người lãnh đạo các tổ chức nghiên cứu bảo tồn văn hóa có gốc từ văn bản Hán Nôm còn chưa cao và chưa thường xuyên, nên

<sup>(\*)</sup> TS. Nguyễn Văn Đăng, Phó Trưởng khoa, Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế (Vice-Dean, Faculty of History, Hue University of Sciences)

mọi cố gắng để sưu tầm chỉ bó hẹp trong phạm vi của một số nhà nghiên cứu say mê văn bản Hán Nôm, dẫn đến công tác sưu tầm, xử lý và đưa vào khai thác nguồn di sản này là vô cùng nhỏ bé. Đáng kể nhất là đề tài nghiên cứu cấp tỉnh “*Điều tra, sưu tầm và tuyển dịch một số tài liệu Hán Nôm có giá trị ở các làng xã Thừa Thiên Huế*” của nhóm tác giả Trần Đại Vinh, Lê Nguyễn Lưu, Huỳnh Đình Kết... trong hai năm 1994-1995. Nhóm này đã xâm nhập thực tế ở 25 làng, sưu tầm được khoảng 6.000 trang văn bản và chọn dịch được khoảng 500 trang (tờ) văn bản có giá trị... Kết quả còn khiêm tốn như trên rõ ràng là chưa tương xứng với số lượng văn bản Hán Nôm còn khá đồ sộ nằm rải rác trong hương bộ, nhà thờ và các loại văn bản khác ở các làng xã trong tỉnh.

**1.3.** Trên cơ sở nhu cầu góp phần bảo quản, sưu tầm, xử lý và khai thác giá trị tổng thể của di sản Hán Nôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; đồng thời thực hiện Nghị định hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Trương tác Văn hóa, Đại học Kansai, Osaka, Nhật Bản và Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; chúng tôi đã bắt tay vào công việc sưu tầm, xử lý và bước đầu khai thác nguồn di sản quý báu này, chủ yếu là văn bản Hán Nôm viết trên giấy. Thay mặt nhóm công tác, chúng tôi xin rút ra vài nhận định sơ bộ.

## **2. Về tình hình sưu tầm và xử lý văn bản Hán Nôm cổ**

**2.1.** Công tác sưu tầm văn bản cổ được tiến hành thường xuyên, xen kẽ với các công tác khác trong quá trình điền dã. Tuy nhiên, thời gian qua, chúng tôi đã tiến hành sưu tầm một cách tập trung trong hai đợt tháng 3 và tháng 5-2009. Nhóm sưu tầm hỗn hợp giữa hai cơ quan đã thu hút một số cán bộ tham gia như GS. Noma, GS. Azuma, GS. Nishimura, TS. Hasuda, Huỳnh Đình Kết, TS. Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Văn Quảng, Bùi Quang Dũng, một số cán bộ trong Khoa Sử và các cộng tác viên tại các làng xã. Đoàn do TS. Nguyễn Văn Đăng chủ trì và thường xuyên có khoảng 4-5 cán bộ cùng làm việc.

Đoàn chúng tôi đã tiến hành công tác sưu tầm ở 5/9 huyện, thị ở Thừa Thiên Huế. Chúng tôi chọn địa bàn là một số làng lớn, tiêu

biểu về kinh tế, văn hóa và có nhiều loại văn bản Hán Nôm cổ. Đó là làng Đức Bưu (xã Hương Sơ, thành phố Huế), làng Mỹ Lợi (xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc), làng Hà Thanh (xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang), các làng Thành Trung, Phú Lương A, Kim Đôi (xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền) và các làng Minh Thanh, Địa Linh, Bao Vinh (xã Hương Vinh, huyện Hương Trà).

Tại mỗi làng, chúng tôi ưu tiên cho văn bản của làng (hương bộ) với việc sưu tầm thường diễn ra ngay tại ở đình làng, rồi sau đó mới đến gia phả các họ ở nhà thờ họ. Tại các làng Đức Bưu, Mỹ Lợi, Hà Thanh chỉ sưu tập văn bản hương bộ của một số họ. Ở các làng không còn hương bộ như xã Quảng Thành thì chúng tôi sưu tập gia phả của các dòng họ...

Sau đây là số liệu tổng hợp về số văn bản Hán Nôm đã sưu tầm được ở các làng xã nói trên.

*Bảng 1: Tổng hợp số văn bản cổ các làng xã*

Stt	Tên làng	Số tập vb	Số văn bản	Số tờ (trang)	Nơi khai thác
1	Đức Bưu, xã Hương Sơ	67	254	924	Đình làng
2	Mỹ Lợi, xã Vinh Mỹ	132	245	705	Đình làng
3	Hà Thanh, xã Vinh Thanh	393	551	3083	Hương bộ
4	Thành Trung, xã Quảng Thành	125	125	3370	Nhà thờ họ
5	Phú Lương A, xã Quảng Thành	81	147	606	Nhà thờ họ
6	Kim Đôi, xã Quảng Thành	50	81	1095	Đình, Nhà thờ
7	Xã Hương Vinh	14	14	261	Miếu, Nhà thờ
<b>Cộng</b>		<b>862</b>	<b>1417</b>	<b>10.044</b>	

Rõ ràng đây là một số lượng văn bản và trang văn bản không phải là nhỏ nếu biết rằng thời gian tiến hành không dài vì nhiều lý do khách quan và chủ quan khác nhau (đợt 1 khoảng 9 ngày (17-25/3), đợt 2 khoảng 10 ngày).

Tại các điểm có văn bản, công việc sưu tập được tiến hành theo các thao tác một cách thống nhất và khoa học. Sau khi làm các thủ tục ngoại giao và nghi lễ truyền thống, chúng tôi tiến hành ghi phiếu miêu tả nội dung, kích thước, loại giấy, niên đại, số tờ của mỗi văn bản. Với mục đích sao chụp văn bản để tiến hành xử lý và lưu giữ sau này, chúng tôi chụp lại từng trang văn bản, chụp hình thức của một văn bản và các dấu hiệu quan trọng trong văn bản. Vì thế số bản chụp được thường nhiều hơn số trang của văn bản.

Việc sưu tầm gia phả các dòng họ cũng được đoàn công tác hết sức quan tâm. Nhiều làng không còn văn bản như ở xã Quảng Thành, chúng tôi tập trung khai thác văn bản lưu giữ trong các dòng họ tạo điều kiện cho việc nguyên cứu về thiết chế dòng họ, tín ngưỡng truyền thống của người Việt.

Trong các văn bản ở bảng 1, số lượng gia phả và văn bản liên quan đến các dòng họ được lưu giữ tại từ đường của họ chiếm số lượng lớn. Sau đây là số liệu văn bản lưu giữ trong các dòng họ.

*Bảng 2: Tổng hợp số văn bản trong các dòng họ (nhà thờ họ)*

Stt	Tên các họ	Tên làng	Số tập vb	Số văn bản	Số trang
1	2	3	4	5	6
1	Phan	Đức Bưu, xã Hương Sơ	1	1	23
2	Nguyễn Công	Hà Thanh, xã Vinh Thanh	11	11	683
3	Trần	Hà Thanh, xã Vinh Thanh	2	2	204
4	Lâm	Minh Thanh, Hương Vinh	1	1	104
5	Nguyễn	xã Hương Vinh	1	1	110
6	Đào Phước	Thành Trung, Quảng Thành	40	40	1121
7	Trần Văn	Thành Trung, Quảng Thành	40	40	754
8	Nguyễn Quang	Thành Trung, Quảng Thành	5	5	223
9	Trần Hữu	Thành Trung, Quảng Thành	8	8	281
10	Bùi Đức	Thành Trung, Quảng Thành	3	3	80
11	Nguyễn Đình	Thành Trung, Quảng Thành	21	21	535
12	Nguyễn Văn (Đông)	Thành Trung, Quảng Thành	3	3	172
13	Nguyễn Văn (Trung)	Thành Trung, Quảng Thành	5	5	204

1	2	3	4	5	6
14	Phan Đình	Phú Lương A, Quảng Thành	76	142	441
15	Quách	Phú Lương A, Quảng Thành	3	3	54
16	Lê Sĩ	Phú Lương A, Quảng Thành	2	2	111
17	Nguyễn Đình	Kim Đồi, xã Quảng Thành	20	25	471
18	Dương Quang	Kim Đồi, xã Quảng Thành	7	13	123
19	Trương	Kim Đồi, xã Quảng Thành	18	38	330
<b>Tổng cộng</b>			<b>287</b>	<b>360</b>	<b>6024</b>

Trong bảng trên, các họ ở Hà Thanh, Mỹ Lợi, Đức Bưu và Hương Vinh (5 họ) là những nơi chúng tôi không đến các nhà thờ họ để khai thác văn bản. Các họ còn lại (14 họ) ở các làng xã Quảng Thành, thì những dòng họ khai canh, khai khẩn thường lưu giữ nhiều văn bản hơn (hai họ Đào Phước, Trần Văn), hoặc dòng họ có nhiều quan chức lớn như họ Phan Đình (có ông Phan Đình Bình là quan Phụ chánh đại thần cuối thế kỷ XIX, phò mã vua) thì số lượng văn bản lớn hơn hẳn các họ còn lại.

**2.2.** Công tác xử lý văn bản sưu tầm được chúng tôi tiến hành ngay sau khi sưu tầm nhằm thống kê, phân loại, mã hóa bằng các phương tiện kỹ thuật hiện đại góp phần bảo quản, phục vụ công tác khai thác nghiên cứu các văn bản. Công việc xử lý đòi hỏi sự cẩn trọng tỉ mỉ và trải qua nhiều công đoạn.

- Dùng chương trình excel của máy tính để thống kê các phiếu tư liệu.

- Xử lý, chỉnh sửa những bản chụp không đạt chất lượng tốt, đối chiếu với phiếu tư liệu văn bản.

- Dịch sơ bộ các văn bản để đối chiếu với phiếu tư liệu và phân loại, thống kê các văn bản theo nội dung.

- Mã hóa các nội dung văn bản, giới thiệu các nội dung trong văn bản để tiện việc khai thác, sử dụng cho người nghiên cứu sau này.

- Chứa các nội dung đã được xử lý vào các đĩa DVD, gửi lại cho các địa phương, các dòng họ để tiện cho việc sử dụng, bảo quản và tăng ý thức bảo vệ giữ gìn cho họ.

Những công việc này đòi hỏi nhiều thời gian, kinh phí và cả

kỹ thuật nên bước đầu chúng tôi chỉ mới làm được hai công đoạn đầu tiên và đang tiến hành làm các công đoạn sau....

### 3. Một vài nhận định về nội dung văn bản

**3.1.** Nội dung văn bản tại hương bộ làng hàm chứa nhiều thông tin rất có giá trị trên nhiều lĩnh vực từ văn bản học đến lịch sử, tổ chức cộng đồng làng xóm, văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, sinh hoạt kinh tế... Bước đầu tìm hiểu nội dung, chúng tôi thấy thông tin chứa trong hương bộ làng là rất phong phú và đa dạng. Dù chưa thật đầy đủ, thông kê của 4 làng tiêu biểu ở 4 huyện cho thấy có đến trên 20 nội dung được người xưa ghi lại một cách tỉ mỉ, cẩn trọng.

*Bảng 3: Nội dung văn bản Hán Nôm cổ các làng*

Stt	Nội dung, niên đại	Đức Bưu	Mỹ Lợi	Hà Thanh	Kim Đồi
1	2	3	4	5	6
1	Ruộng đất	57	68	152	3
2	Dân cư, dân đình	68	6	99	
3	Thuế đình	2	29	20	
4	Thuế điền			49	
5	Xin miễn, giảm thuế		5	12	
6	Đơn xin, sắc phong thần	17	Không st	51 <sup>1</sup>	
7	Bình dịch, lao dịch	5	1	5	
8	Văn tế, liên quan tế lễ	5	2	21	2
9	Đóng góp dựng đình chùa	2	46	9	
10	Mốc giới địa phận làng	12	8	5	
11	Làng khác và với triều đình	1	10 <sup>2</sup>	2	
12	Tờ trình với cấp trên	23	8	2	
13	Văn bản cấp trên với làng	2			
14	Vận chuyển đường thủy			15	
15	Kê khai tiên tổ dòng họ	1		16	
16	Kiểm kê văn bản làng	11	11	19	
17	Việc chung và tài sản làng	17	5	33	

<sup>1</sup> Bao gồm cả sắc phong khai canh khai khẩn của các họ.

<sup>2</sup> Liên quan đến Hoàng Sa, An Bằng, Gia Miêu, Tống Sơn, Hồng Phúc (Thanh Phước), các Bộ Hộ, Công, Hình, quan Thái giám...

1	2	3	4	5	6
18	Bản khắc gỗ	1			
19	Bản đồ cổ		3	5	
20	Nội dung khác (cứu tế, thủy lợi, tuần lễ đồng...)		4	5	
21	Chưa rõ nội dung	30	38	18	
<b>Cộng</b>		<b>253</b>	<b>244</b>	<b>538</b>	<b>5</b>

Số liệu cho thấy những văn bản liên quan đến ruộng đất, bộ đình (dân đình) và các hạng dân, thuế các loại, đóng góp xây dựng các công trình công cộng trong làng như đình, chùa, miếu, văn bản kiểm kê của làng chiếm tỷ lệ lớn. Trong ruộng đất có ruộng đất khai canh (khai canh bạ), thống kê ruộng đất công, ruộng đất tư, mua bán, tranh chấp ruộng đất, đất vườn, trích lục thời Pháp thuộc... được ghi chép cẩn trọng, chứng tỏ người xưa quản lý ruộng đất rất chặt chẽ.

Có một số thông tin có giá trị lịch sử - văn hóa lớn như bản khắc gỗ (mộc bản) được tìm thấy ở Đức Bưu, chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, văn bản các bộ của triều đình ở làng Mỹ Lợi... Vấn đề thủy lợi, vận chuyển đường thủy, hưởng ứng tuần lễ đồng sau Cách mạng tháng Tám ở làng Hà Thanh... Nhiều văn bản liên quan đến các làng khác ở rất xa cũng chứa đựng những thông tin thú vị và bổ ích cho người nghiên cứu.

*Bảng 4. Tổng hợp niên đại các văn bản*

Stt	Niên hiệu	Đức Bưu	Mỹ Lợi	Hà Thanh	Cộng
1	2	3	4	5	6
1	Dương Hòa			3	3
2	Thịnh Đức			1	1
3	Cảnh Trị	1	5		6
4	Chính Hòa			2	2
5	Vĩnh Thịnh		2	2	4
6	Bảo Thái		5	1	6
7	Vĩnh Khánh		3	1	4
8	Cảnh Hưng	4	50	5	59
					<b>85</b>

9	Thái Đức		2		2	17
10	Quang Trung		6		6	
11	Cánh Thịnh	6	1	2	9	
12	Gia Long	60	74	75	209	512
13	Minh Mạng	38	29	49	116	
14	Thiệu Trị	18	7	20	45	
15	Tự Đức	76	4	62	142	
16	Kiến Phúc			3	3	
17	Đồng Khánh	4		8	12	235
18	Thành Thái	8		56	64	
19	Duy Tân	8		50	58	
20	Khải Định	5		65	70	
21	Bảo Đại	5		22	27	
22	Thời Pháp	1			1	
23	Không ghi	20	57	124	201	201
<b>Cộng</b>		<b>254</b>	<b>245</b>	<b>551</b>	<b>1050</b>	<b>1050</b>

- Niên đại của các văn bản cũng giúp người nghiên cứu thấy được một cách sinh động không chỉ quá trình phát triển của làng xã mà còn giúp tìm hiểu về các thời đại lịch sử đã qua trong khi không thể tìm thấy dễ dàng ở trong sách sử chính thống (như thời Tây Sơn chẳng hạn).

**3.2. Nội dung và niên đại trong các văn bản thuộc quyền quản lý và lưu giữ của các dòng họ cho thấy rằng dòng họ cũng là tổ chức cộng đồng rất quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Ở đây không chỉ lưu giữ sắc phong khai canh, khai khẩn làng xã của triều đình cho các vị thủy tổ dòng họ mà còn cho ta biết về quá trình di dân, nguồn gốc cư dân, các ghi chép về ruộng đất, tài sản khác, định lệ, thuận định như là hương ước của làng... Thậm chí, có dòng họ, việc lưu giữ gia phả là của các chi phái trong họ, còn nhà thờ tổ họ lớn chỉ lưu giữ các văn bản chung của họ có nội dung như văn bản làng xã mà trường hợp dòng họ Phan Đình ở làng Phú Lương là một dẫn liệu tiêu biểu. Điều đó chứng tỏ bên trong dòng họ là một tổ chức xã hội song hành với làng xã, như là hình ảnh của một xã hội thu nhỏ.**



Bảng 5: Nội dung và niên đại văn bản các dòng họ làng Phú Lương A và Kim Đôi

Stt	Nội dung, niên đại	Phan Đình	Quách	Lê Sỹ	Nguyễn Đình	Dương Quang	Trương
1	Gia phả	-	1	2	10	2	3
2	Sắc phong	-			2	2	3
3	Ruộng đất	80	1		5	2	20
4	Thuận định	5			3		1
5	Định lệ	1			1		
6	Văn tế	1			3		2
7	Văn bản họ	49	1			7	9
8	Tài sản họ	3					
9	Danh sách dân	1			1		
10	Văn bản Nhà nước	2					
11	Trước 1802	12			-	1	
12	1802-1883	54			6	4	6
13	1884-1945	58	2		15	8	27
14	Sau 1945	7			1		
15	Không rõ	11	1	2	3		5
	<b>Số văn bản</b>	<b>142</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>25</b>	<b>13</b>	<b>38</b>

#### 4. Một vài kết luận

- Chỉ trong một thời gian tương đối ngắn (chưa tới 20 ngày), nhóm sưu tầm hỗn hợp hai cơ quan đã đến 9 làng của 5 huyện thị để sưu tầm văn bản Hán Nôm cổ. Nhóm công tác đã sưu tầm được một khối lượng lớn gồm 1417 văn bản cổ, đã sao chụp được 10.044 trang tư liệu văn bản. Điều này chứng tỏ lượng văn bản Hán Nôm được lưu giữ trong các làng xã vùng Thừa Thiên Huế là rất lớn, lớn hơn rất nhiều so với nhiều địa phương trong cả nước. Đó là một di sản quý giá để từ đó có thể tìm hiểu xã hội Việt Nam truyền thống.

- Công tác giám định, xử lý đi đến dịch thuật đòi hỏi nhiều công sức và cả kỹ thuật; dù đã cố gắng nhưng chúng tôi cũng chưa xử lý được nhiều như chương trình đặt ra. Một kinh nghiệm là ngay

từ bước sưu tầm mọi công tác ghi chép, sao chụp phải tuân theo một trình tự chặt chẽ và chính xác thì công tác xử lý mới có hiệu quả cao, mới phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu và bảo quản sau này.

- Nội dung văn bản là vô cùng phong phú và có giá trị trên nhiều lĩnh vực như văn bản học, lịch sử - văn hóa, tư tưởng và phong tục tập quán. Niên đại và cách viết chữ trên chất liệu giấy dó; lịch sử ruộng đất, các loại thuế, biến động dân cư, sự kết hợp Nho, Phật, Đạo và tục thờ cúng tổ tiên của người Việt. Các sinh hoạt tế lễ diễn ra đình làng, nhà thờ họ, tổ chức làng xã, tổ chức dòng họ... cho đến vấn đề “thiên hóa” văn bản cổ, những văn bản quý hiếm mà văn bản Nhà nước không có... Đó là những giá trị không thể phủ nhận của di sản Hán Nôm làng xã mà Thừa Thiên Huế còn may mắn lưu giữ được...

- Có thể có một số đề xuất là đưa công nghệ mới vào phục vụ công tác bảo quản, xử lý để phát huy tác dụng của nó. Trong một chừng mực nào đó, tìm cách phổ biến nội dung văn bản, đặc biệt là lịch sử làng xã và họ tộc cho con em trong làng. “Thiên hóa” văn bản là một phần của tín ngưỡng nhưng các tổ chức bảo tàng, văn hóa giáo dục của tỉnh nhà nên có kế hoạch để đầu tư sưu tầm, xử lý và phát huy tác dụng di sản Hán Nôm nhiều hơn nữa trong công cuộc phát huy những giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh đất nước Việt Nam đang hội nhập với thế giới hiện nay.